

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 524/QĐ-BTP ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giám định tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hóa, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1050/QĐ-BTP ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực lý lịch tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1170/QĐ-BTP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 110/TTr-STP ngày 13 tháng 8 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

- **Ban hành mới:** 04 thủ tục hành chính cấp tỉnh.
- **Sửa đổi 06 thủ tục hành chính cấp tỉnh** (bao gồm: 05 thủ tục (thủ tục số 07, 15, 23, 24, 100 được ban hành tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai) và 01 thủ tục (thủ tục số 06 được ban hành tại Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai)).
- **Bãi bỏ 22 thủ tục hành chính cấp tỉnh** (đã được ban hành tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai và được sửa đổi tại Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, được sửa đổi và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai).

Trường hợp thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ, thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác tại Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 và Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 18/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Sở Tư pháp; Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai Bộ thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc của đơn vị, tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia.

Sở Tư pháp có trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của các thủ tục hành chính được ban hành mới, thủ tục hành chính được sửa đổi trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, THNC, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH ĐỒNG NAI**



*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3101 /QĐ-UBND ngày 07/9/2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Mã TTHC	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH BAN HÀNH MỚI			
I. Lĩnh vực giám định tư pháp			
1	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp	04
2	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	11
II. Lĩnh vực chứng thực			
3	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	16
III. Lĩnh vực công chứng			
4	2.002387	Xóa đăng ký hành nghề và thu hồi Thẻ công chứng viên trường hợp công chứng viên không còn hành nghề tại tổ chức hành nghề công chứng	20
B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH SỬA ĐỔI			
I. Lĩnh vực giám định tư pháp			
1	2.000555	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp <i>Tên cũ: Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng</i>	21
2	2.000894	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp	21

II. Lĩnh vực lý lịch tư pháp			
3	2.000488	Thủ tục cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	23
III. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý			
4	2.000977	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với luật sư	24
5	2.000970	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	27
6	2.000587	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	29
C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ			
I. Lĩnh vực công chứng			
1	1.001190	Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	
2	1.001234	Thủ tục tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	
3	1.001450	Thủ tục từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	
4	1.001453	Thủ tục thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	
5	2.000775	Thủ tục chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	
6	2.000771	Thủ tục thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	
7	1.003088	Thủ tục công chứng bản dịch	
8	1.003049	Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	
9	1.003023	Thủ tục công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	
10	2.001074	Thủ tục công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
11	2.001069	Thủ tục công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	

12	2.001048	Thủ tục công chứng di chúc	
13	2.001039	Thủ tục công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	
14	2.000831	Thủ tục công chứng văn bản khai nhận di sản	
15	1.001876	Thủ tục công chứng văn bản từ chối nhận di sản	
16	1.001856	Thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền	
17	1.001834	Thủ tục nhận lưu giữ di chúc	
18	2.000818	Thủ tục cấp bản sao văn bản công chứng	
19	1.000061	Thủ tục miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp bị miễn nhiệm)	
20	1.001814	Thủ tục xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	
II. Lĩnh vực Giám định tư pháp			
21	2.000571	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	
22		Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp	